

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/HC-PT

Ngày 02 – 3 – 2022

V/v khiếu kiện quyết định thu hồi đất;
quyết định bồi thường hỗ trợ; quyết định
giải quyết khiếu nại khi Nhà nước thu
hồi đất, buộc ban hành quyết định bồi
thường quyền sử dụng đất bị thu hồi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 397/2021/TLPT-HC ngày 14 tháng 7 năm 2021 về khiếu kiện quyết định thu hồi đất; quyết định bồi thường hỗ trợ; quyết định giải quyết khiếu nại khi Nhà nước thu hồi đất, buộc ban hành quyết định bồi thường quyền sử dụng đất bị thu hồi.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 16/2020/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ 4, ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, (có mặt).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Bùi Minh Vũ – Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH MTV Công lý Chi nhánh phía Nam, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân thành phố P), tỉnh Kiên Giang;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P), tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 4 đường 30/4, khu phố 2, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/02/2022): Ông Trần Chiến Thắng - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 18/5/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Thành L trình bày:*

Ông có diện tích 2.300m² tọa lạc tại ấp G, xã Cửa Cạn (nay thuộc ấp G, xã G), huyện P do cha ông là ông Nguyễn Văn Kiệt cho để cất nhà, trồng trọt và chăn nuôi.

Vào năm 2010, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P có chủ trương quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương ngay trên phần đất của gia đình ông. Gia đình ông chấp thuận và đồng tình theo chủ trương của UBND huyện đưa ra. Ngày 26/11/2010, UBND huyện P ra Quyết định số 4200/QĐ-UBND với nội dung là thu hồi diện tích 1.789,4m² của ông nhưng cho rằng là đất rừng đặc dụng. Sau đó, vào ngày 21/12/2010 UBND huyện P tiếp tục ra quyết định số 5153/QĐ-UBND với nội dung bồi thường cho ông số tiền 43.875.600 đồng. Ông không đồng ý với hai Quyết định trên vì quyết định thu hồi không đủ diện tích đất thực tế của ông, chênh lệch làm ông mất diện tích đất 510m², đồng thời việc bồi thường cũng không thỏa đáng. Sau đó, ông có làm đơn khiếu nại và UBND huyện đã phân công Thanh tra huyện xuống đo đạc lại phần đất của ông nhưng không đưa ra giải quyết.

Ngày 01/12/2016, UBND huyện P mời ông đến đối thoại nhưng không đi đến kết quả thống nhất với nhau do UBND huyện không thừa nhận việc khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 2.300m² là của ông, vì cho rằng ông lấn chiếm rừng. Trong khi đó, đất là do cha ông khai phá vào năm 1993. Sau đó, được ông Lê Long Thử là Cán bộ quản lý tại thời điểm đó ký xác nhận cho cha ông. Do đó, ông không đồng ý và tiếp tục khiếu nại.

Ngày 16/10/2017, UBND huyện P ban hành Quyết định số 9688/QĐ-UBND với nội dung sửa đổi bổ sung Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện P. Giải quyết hỗ trợ bổ sung 40% giá đất rừng sản xuất diện tích 308,2m² và hỗ trợ căn nhà tạm với diện tích 24m², không thừa nhận nội dung khiếu nại của ông. Sau đó, UBND huyện vẫn tiến hành thu hồi phần đất để giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

Vì vậy, ông Nguyễn Thành L khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Hủy các quyết định sau: Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện P về việc thu hồi diện tích 1.789,4m² đất rừng đặc dụng; Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ số tiền là 43.225.600 đồng; Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L.

Buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông với diện tích 308,6m² đất theo Quyết định số 6939/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thành L để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang với diện tích 308,6m².

- Tại Văn bản số 550/UBND-NCPC ngày 04/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Chủ tịch UBND và UBND huyện P do ông Trần Chiến Thắng đại diện theo ủy quyền trình bày:

Qua kiểm tra nội dung giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L thì phần diện tích 1.789,4m² (trong diện tích 2.097,6m²) bị UBND huyện thu hồi vào năm 2010, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 45 nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ và điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang, Chủ tịch UBND huyện giải quyết khiếu nại không xem xét bồi thường quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với diện tích 308,20m² (trong diện tích 2.097,6m²) của ông L bị thu hồi vào ngày 12/10/2016, căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 thì phần diện tích này đủ điều kiện để xem xét bồi thường quyền sử dụng đất vì ông L có quá trình sử dụng trước ngày 01/7/2004. Do đó, Chủ tịch UBND huyện thống nhất xem xét lập phương án bồi thường bổ sung cho ông L.

Từ những cơ sở trên, UBND huyện P, Chủ tịch UBND huyện P đề nghị chấp nhận một phần nội dung khởi kiện yêu cầu UBND huyện bồi thường diện tích 308,6m², không chấp nhận các nội dung khởi kiện còn lại của ông L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Thành L rút yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 4200/QĐ-UBND

ngày 26/11/2010 của UBND huyện P, ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ; Quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất 308,2m². Ông L không yêu cầu giải quyết khiếu nại lại.

Người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện P (nay là thành phố P), Kiên Giang có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 16/2021/HC-ST ngày 26/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đối với yêu cầu hủy Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thành L để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện P, hủy Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L.

Hủy một phần Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc.

Hủy Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L.

3. Buộc UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc đối với việc thu hồi đất cho ông Nguyễn Thành L theo các Quyết định thu hồi đất số 4200/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện P thu hồi 1.789,4m², Quyết định số 6939/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND huyện P thu hồi diện tích 308,2m² đất đối với ông Nguyễn Thành L để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/4/2021, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; bác nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P trình bày kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố P là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thành L trình bày:

Diện tích đất 1.789,4m² ông L bị thu hồi, nhưng không được bồi thường, nằm trong diện tích đất có nguồn gốc do cha ông L là ông Nguyễn Văn Kiệt khai phá từ năm 1994. Tại thời điểm này, ông Kiệt đã có Đơn xin đất và được Tổ trưởng tổ an ninh 7 là ông Lê Long Thử xác nhận ngày 22/6/1994. Theo lời khai của các nhân chứng, gia đình ông Kiệt đến đây sinh sống là do điều kiện, hoàn cảnh của địa phương tại khu vực này khi đó là rất hoang vu nên cùng mọi người đến khai hoang chứ không phải là phá rừng. Ông L sinh sống cùng gia đình ở đây từ nhỏ, đến khi trưởng thành thì ông L được ông Kiệt là cha cho một phần đất để ở và canh tác cho đến nay, trong đó có tích đất 1.789,4m² nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích đất 1.789,4m² ông L bị thu hồi có đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật nên đã quyết định chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông L về vấn đề này là đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích đất 1.789,4m² ông L bị thu hồi có đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật nên đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L, hủy một phần Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc, hủy Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L, là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ. Kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về việc tiến hành tố tụng giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.*

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

[2] *Về yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P đối với các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện P và hủy Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Kiên Giang.*

[2.1] *Về tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện P.*

[2.1.1] Tại Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 26/11/2010, UBND huyện P đã thu hồi diện tích đất 1.789,4m², loại đất rừng đặc dụng, tại ấp G, xã G, huyện P, đối với ông Nguyễn Thành L để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Ông Nguyễn Thành L cho rằng, vào năm 1994 cha ông L là ông Nguyễn Văn Kiệt đã khai phá tổng diện tích đất là 13.500m² để cất nhà ở và trồng rẫy; sau đó, ông Kiệt cho ông L 2.300m² (trong đó có diện tích đất 1.789,4m² bị thu hồi nêu trên) để sử dụng cất nhà ở và trồng hoa màu trên đất; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1.1a] Mặc dù, tại Biên bản làm việc ngày 23/9/2016 (BL 105), ông Lê Long Thê (nguyên Chủ tịch UBND xã G) có trình bày với nội dung, khoảng năm 1993 ông Nguyễn Văn Kiệt đến khu đất phát dọn sử dụng diện tích khoảng 01 công đất. Nội dung này phù hợp với trình bày của ông L cho rằng, việc ông Nguyễn Văn Kiệt đến khu đất này phát dọn sử dụng, ông Kiệt đã có Đơn xin đất và được Tổ trưởng tổ an ninh 7 là ông Lê Long Thê xác nhận ngày 22/6/1994. Đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 23/9/2016 (BL 39) và Biên bản làm việc ngày 26/9/2016 (BL 36), bà Trần Thị Hương và ông Nguyễn Minh Thống là những người dân sinh sống lâu năm tại khu vực này cũng cùng trình bày với nội dung, vào năm 1992-1993 ông Kiệt có vào khu đất phát dọn trồng hoa màu và che chòi ở.

[2.1.1b] Tuy nhiên, cũng tại các Biên bản làm việc nêu trên, ông Thê, bà Hương và ông Thống trình bày có cùng nội dung, đến năm 1997-1998 ông Kiệt

bị di dời ra khỏi khu đất trên. Đến năm 2003, có chủ trương quy hoạch khu tái định cư thì ông Kiệt quay lại phát dọn sử dụng. Về nội dung này, ông Thê, bà Hương và ông Thống trình bày phù hợp với trình bày của ông Võ Hồng Tươi (nguyên Chủ tịch Hội Nông dân xã G) tại Biên bản làm việc ngày 27/9/2016 (BL 104) với nội dung, vào năm 1997-1998 ông Kiệt bị di dời ra khỏi khu đất trên, diện tích mà ông Kiệt sử dụng tại thời điểm di dời khoảng 01 công đất. Đến năm 2003, ông Kiệt quay trở lại phát dọn đất và bị lập biên bản xử lý.

Hồ sơ vụ án cũng thể hiện, vào năm 2003, Trạm Kiểm lâm Gành Dầu kết hợp với Công an cùng Xã đội Gành Dầu đã tiến hành kiểm tra lại diện tích phá rừng làm rẫy của ông Nguyễn Văn Kiệt đã khai phá năm 2003 và đã lập Biên bản kiểm tra số 92/2003 ngày 04/4/2003 với kết quả kiểm tra rừng bị phá trắng có tổng diện tích là 1.800m², hiện đương sự chưa trồng gì; đồng thời cũng đã có kết luận sau kiểm tra về hành vi phá rừng của ông Kiệt là vi phạm vào Điều 1 Nghị định số 17/CP của Chính phủ nên đình chỉ không cho đương sự tác động vào diện tích trên và kính chuyển Ban lãnh đạo Hạt xử lý.

Tại Báo cáo số 66/BC-TTr ngày 24/11/2016 của Thanh tra huyện P báo cáo kết quả xác minh các khiếu nại tại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng khu tái định cư Gành Dầu thì diện tích đất 2.597,60m² do ông Kiệt phát dọn bao chiếm vào năm 1994, năm 1997 ông Kiệt bị Nhà nước di dời ra khỏi khu vực đất đang sử dụng. Năm 2003, ông Kiệt quay lại phần đất trên để phát dọn thì bị Kiểm lâm lập biên bản, sau khi bị lập biên bản ông Kiệt vẫn tiếp tục sử dụng đến năm 2007 thì bỏ địa phương đi đến năm 2009 mới quay lại cất nhà ở và canh tác đến khi có quy hoạch dự án.

[2.1.1c] Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định, vào khoảng năm 1993 ông Nguyễn Văn Kiệt tự ý đến phát dọn khu đất thuộc rừng đặc dụng tại ấp G, xã G, huyện P, Kiên Giang để sử dụng trồng trọt và che chõ ở để đốt than. Đến năm 1997-1998, ông Kiệt bị Cơ quan chức năng di dời ra khỏi khu đất này. Đến năm 2003, ông Kiệt quay lại phát dọn và tiếp tục sử dụng với diện tích khoảng 1.800m² (theo Biên bản kiểm tra ngày 04/4/2003 của Trạm Kiểm lâm Gành Dầu). Sau khi bị lập Biên bản kiểm tra về hành vi phá rừng, ông Kiệt vẫn tiếp tục sử dụng và phát dọn thêm, rồi cho lại con là ông L một phần diện tích, trong đó có diện tích đất 1.789,4m² nêu trên.

[2.1.1d] Tại Văn bản số 362/VQG-GDMT&DVMTR ngày 8/7/2020 của Vườn Quốc gia Phú Quốc xác nhận, theo ranh giới, tọa độ mốc Vườn quốc gia Phú Quốc cắm mốc năm 2004 thì diện tích đất 1.789,4m² mà ông L sử dụng nằm trong ranh giới Vườn quốc gia, tại tiểu khu 75, phân khu phục hồi sinh thái Vườn Quốc gia Phú Quốc (BL 203). Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định, mặc dù ông L có sử dụng diện tích đất 1.789,4m² từ trước 2004, nhưng diện tích đất này

là đất rừng nằm trong ranh giới Vườn Quốc gia Phú Quốc, bị gia đình ông Kiệt đến phát dọn sử dụng, sau đó cho ông L sử dụng là trái phép.

[2.1.2] Đến ngày 21/12/2009, ông Nguyễn Thành L đứng ra kê khai đề được lập phương án bồi thường, nhưng ông L chỉ kê khai vật kiến trúc “căn nhà tạm” và cây trồng, không kê khai diện tích đất.

[2.1.3] Qua đó nhận thấy, mặc dù theo Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 và quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh cục bộ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc đến năm 2030 và theo Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND huyện P về việc phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn Quốc gia Phú Quốc đến năm 2020 thì thửa đất của ông L sử dụng được định hướng quy hoạch đưa ra khỏi ranh giới Vườn Quốc gia Phú Quốc. Tuy nhiên, tại thời điểm UBND huyện P ban hành Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 thu hồi diện tích đất 1.789,4m² thì diện tích đất này ông L sử dụng vẫn không có giấy tờ về đất và đất có nguồn gốc và quá trình sử dụng trái phép nêu trên, nên UBND huyện P không bồi thường về đất cho ông L đối với diện tích đất này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 của Luật Đất đai 2003 và Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

UBND huyện P ban hành Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Thành L, đối với diện tích đất 1.789,4m² tại ấp G, xã G, huyện P, Kiên Giang thu hồi theo Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện P, là đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục, có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] *Về tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện P.*

Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện P là quyết định giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L đối với Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Thành L đối với diện tích đất 1.789,4m² do UBND huyện P thu hồi theo Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 và diện tích đất 308,2m² do UBND huyện P thu hồi theo Quyết định số 6939/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

[2.2.1] Như đã nhận định tại mục [2.1] về việc UBND huyện P ban hành

Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Thành L, đối với diện tích đất 1.789,4m² tại ấp G, xã G, huyện P, Kiên Giang thu hồi theo Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện P, là đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục, có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L với nội dung không chấp nhận bồi thường về đối với diện tích đất 1.789,4m² thu hồi theo Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện P, là đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục và có căn cứ.

[2.2.2] Đối với diện tích đất 308,2m² do UBND huyện P thu hồi theo Quyết định số 6939/QĐ-UBND ngày 12/10/2016.

Mặc dù, Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L với nội dung không chấp nhận bồi thường về đất đối với diện tích đất 308,2m² do UBND huyện P thu hồi theo Quyết định số 6939/QĐ-UBND ngày 12/10/2016. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Chủ tịch UBND huyện P đã có Văn bản số 550/UBND-NCPC ngày 04/8/2020 xác định diện tích đất 308,2m² thu hồi vào ngày 12/10/2016 (lúc này Luật Đất đai 2013 đã có hiệu lực thi hành), ông L có quá trình sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 nên đủ điều kiện để xem xét bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Chủ tịch UBND huyện P thống nhất lập phương án bồi thường bổ sung diện tích đất 308,2m² cho ông L. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định về việc bồi thường về đất thu hồi đất cho ông Nguyễn Thành L theo Quyết định số 6939/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND huyện P thu hồi diện tích 308,2m² đất đối với ông Nguyễn Thành L để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P đồng ý, không có kháng cáo đối với quyết định này. Qua đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thành L đối với tích đất 308,2m² do UBND huyện P thu hồi theo Quyết định số 6939/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 đã được đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, không cần thiết phải hủy Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L đối với nội dung này.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên xét thấy, kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P là có cơ sở. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện P và yêu cầu hủy Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND

Phú Quốc về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L; đồng thời, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đối với yêu cầu buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường về đất theo Quyết định thu hồi đất số 4200/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện P thu hồi 1.789,4m² đối với ông Nguyễn Thành L để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

[3] Những ý kiến quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện ông Nguyễn Thành L, cùng những ý kiến quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị bác kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, do không phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Do sửa bản án hành chính sơ thẩm nhưng vẫn chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên người bị kiện vẫn phải chịu án hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 349 của Luật tố tụng Hành chính và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, người kháng cáo Chủ tịch UBND thành phố P không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng Hành chính.

1- Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 16/2021/HC-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 116, 158, khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng Hành chính;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 43 của Luật Đất đai 2003; Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử

dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ về Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đối với yêu cầu hủy Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thành L để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện P và yêu cầu hủy Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định bồi thường về đất thu hồi đối với ông Nguyễn Thành L theo Quyết định thu hồi đất số 4200/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi diện tích đất 1.789,4m² để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định bồi thường về đất thu hồi đối với ông Nguyễn Thành L theo Quyết định số 6939/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi diện tích đất 308,2m² để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

5. Án phí hành chính sơ thẩm:

+ Chủ tịch UBND thành phố P và UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang, mỗi đương sự phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

+ Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành L số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp (do ông Nguyễn Văn Mực nộp thay) theo Biên lai thu số 0004069 ngày 05/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

2- Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải nộp.

Hoàn trả cho Chủ tịch UBND thành phố P số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000902 ngày 23/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 02 tháng 3 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (2);
- Lưu: hồ sơ (1), VP (6), 14b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh